ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND	*Bình Phước, ngày tháng 12 năm 2020*

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Tổng kết triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát đặc điểm tình hình chung

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có 260,433 km đường biên giới giáp với vương quốc Campuchia. Tỉnh là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và Campuchia. Tỉnh có diện tích 6.876,76 km². Dân số 997.766 người, mật độ dân số đạt 145 người/km², có 41 dân tộc anh em sinh sống (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 19,6%) sinh sống trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn thuộc 08 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố. Thế mạnh của tỉnh là cây công nghiệp. Đến nay tỉnh có 18 khu công nghiệp, tập trung chủ yếu ở huyện Chơn Thành, Hớn Quản, Đồng Phú, thành phố Đồng Xoài và một khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư. Bình Phước đang là điểm đến lý tưởng và môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, với hàng loạt chính sách mở, ưu đãi và thông thoáng. Điều này có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch của tỉnh.

Với những thành quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh sau hơn 20 năm xây dựng và phát triển, đã thúc đẩy sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch của tỉnh ngày càng phát triển và từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, trong những năm qua với xu hướng hội nhập quốc tế, Bình Phước cũng chịu sự ảnh hưởng chung bởi khủng hoảng kinh tế, chính trị thế giới và khu vực (2008 - 2010), sự gia tăng căng thẳng ở biển Đông (2014) và tình hình thiên tai, dịch bệnh nhất là đại dịch Covid-19 (2020) đã tác động tiêu cực không nhỏ đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, sự điều hành của các cấp chính quyền, sự phối hợp tuyên truyền vận động của UBMTTQ Việt Nam các cấp và các sở, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Đồng thời phần lớn cán bộ đảng viên, CNVC-LĐ, hội viên các đoàn thể và quần chúng nhân dân đã tích cực hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động liên quan đến sự nghiệp phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch của tỉnh.

Sự tâm huyết và trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch từ tỉnh đến cơ sở là tiền đề cho sự phát triển.

3. Khó khăn

Với địa bàn rộng, địa hình phức tạp, mật độ dân số thấp; cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế; mặt bằng dân trí còn thấp, đời sống các dân tộc sinh sống trong tỉnh còn khó khăn, sống cách biệt với khu trung tâm và xa đường giao thông, các hủ tục lạc hậu còn đè nặng trong suy nghĩ và nếp sống. Đây là một trở ngại trong việc gìn giữ, giao lưu và phát triển văn hóa, thể thao của tỉnh. Mặt khác, do cơ chế thị trường, sự bùng nổ công nghệ thông tin và xu hướng hội nhập quốc tế đã có những tác động tiêu cực vào tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân; tình trạng di cư tự do luôn biến động làm cho tình hình văn hóa - xã hội của tỉnh thêm phức tạp. Điều kiện kinh tế của tỉnh trong những năm qua còn nhiều khó khăn. Đại dịch Covid-19 đã gây thiệt hại nặng nề về nguồn thu của tỉnh nói chung và của ngành du lịch nói riêng, số khách tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của tỉnh giảm đi đáng kể gây thiệt hại không nhỏ cho các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch. Nhìn chung thu nhập bình quân đầu người của người dân Bình Phước còn thấp, những điều kiện, phương tiện và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch còn nhiều hạn chế.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Công khai Quy hoạch

Sau khi Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã công khai Quy hoạch này trên các phương tiện thông tin đại chúng và bảng pa-nô tấm lớn tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để các ngành, các cấp, nhân dân, doanh nghiệp trong tỉnh được biết, phối hợp và tham gia thực hiện.

2. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch

Từ năm 2012 - 2020, UBND tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành 06 văn bản và HĐND tỉnh ban hành 05 văn bản, đồng thời UBND tỉnh đã ban hành 60 văn bản quan trọng để kịp thời chỉ đạo triển khai phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh *(đính kèm Phụ lục I)*. Đặc biệt năm 2020, UBND tỉnh đã ký kết chương trình hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh với vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2020 - 2025 để liên kết phát triển du lịch của tỉnh Bình Phước.

UBND tỉnh đã triển khai thực hiện Quy hoạch Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sok Bom Bo; Quy hoạch khu du lịch Suối Cam; Quy hoạch Khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái Bộ Chỉ huy Miền - Tà Thiết; Quy hoạch khu du lịch trảng cỏ Bù Lạch.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2011- 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký kết và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình liên tịch với các địa phương như: Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh cụ thể: Tỉnh đội, Công an tỉnh, Trại giam Tống Lê Chân, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi tỉnh để phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch của tỉnh.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH NGÀNH

A. LĨNH VỰC VĂN HÓA, GIA ĐÌNH

1. Hoạt động văn hóa cơ sở

1.1. Kết quả thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"

Trong thời gian qua, phong trào trên địa bàn tỉnh được phát động triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh, có quy mô rộng lớn nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa bàn dân cư, thu hút được sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần tạo nên sự đồng thuận trong toàn xã hội, thể hiện ở một số mặt chủ yếu sau:

a) Phong trào xây dựng "Gia đình văn hóa" là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi trong Phong trào, do đó Ban Chỉ đạo các cấp đã chú trọng chỉ đạo, triển khai thực hiện, nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực, nâng cao chất lượng Phong trào. Nhiều địa phương, cơ sở đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung, tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, tổ chức tốt việc bình xét, công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa" theo các quy định. Công tác bình xét gia đình văn hóa được thực hiện theo hướng công khai, dân chủ, chặt chẽ. Chú trọng triển khai thực hiện các nội dung, tiêu chí của ngành, lồng ghép vào thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hóa. Kết quả đến năm 2020 có 223.529/237.149 hộ gia đình đạt văn hóa chiếm 94,25%.

b) Xây dựng Khu dân cư văn hóa

Tiếp tục giữ vững và phát huy Danh hiệu "Khu dân cư văn hóa"; trong những năm qua, các cấp, ngành có nhiều biện pháp tích cực và hiệu quả để chỉ đạo, tổ chức thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng xây dựng khu dân cư văn hóa. Kết quả đến năm 2020 có 811/851 chiếm 95,29%.

c) Xây dựng "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"

Cuộc vận động "Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa" trên địa bàn tỉnh được các cấp Công đoàn tích cực triển khai thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ, kết hợp nhịp nhàng giữa các cấp, ngành, địa phương. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng được chú trọng; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội trong công nhân viên

chức, lao động được tăng cường. Kết quả đến năm 2020 có 1.197/1.221 "cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp" đạt chuẩn văn hóa chiếm 98,03%.

d) Xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"; "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"

Cuộc vận động "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị" được thực hiện tích cực, hiệu quả. Các công trình hạ tầng tiếp tục được quan tâm, đầu tư xây dựng mới tạo sự thay đổi rõ rệt trong các khu vực xã, phường, thị trấn. Hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn; cơ sở hạ tầng thiết yếu từng bước được nâng cấp, mức sống, điều kiện sinh hoạt, giải trí của nhân dân được nâng dần lên trong thời gian qua. Năm 2012, có 01/92 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 1,08%, đến hết năm 2020, có 60/90 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 66,66%; năm 2012, số xã, phường, thị trấn thuộc thị xã đạt chuẩn văn minh đô thị chưa triển khai đến năm 2020 có 13/21 phường, thị trấn, xã thuộc thị xã đạt chuẩn văn minh đô thị, chiếm tỷ lệ 61,90%.

e) Phong trào học tập, lao động sáng tạo

Phong trào học tập, lao động sáng tạo được quan tâm, có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng năm, công tác tuyên truyền phổ biến về khoa học kĩ thuật được chú trọng và nâng cao, nhiều đề tài khoa học được đầu tư nghiên cứu và ứng dụng thành công vào thực tiễn góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực đời sống xã hội được đẩy mạnh và phát huy, hệ thống mạng internet được phát triển đồng bộ, rộng khắp trong đó nổi bật là việc sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng văn phòng điện tử liên thông, cổng thông tin điện tử. Từ các phong trào thi đua "Sản xuất, kinh doanh giỏi", "Lao động giỏi, lao động sáng tạo", "Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao có nhiều tiến bộ; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

h) Xây dựng "Người tốt, việc tốt" và các điển hình tiên tiến

Xây dựng "Người tốt, việc tốt" trở thành những nét đẹp văn hóa, tạo thành những hạt nhân tích cực trong Phong trào; được triển khai rộng rãi trên nhiều lĩnh vực, gắn liền với các phong trào cụ thể, thiết thực như: xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc; 5 không 3 sạch; Giỏi việc nước, đảm việc nhà; Cựu chiến binh gương mẫu; Trường học thân thiện gắn với trường chuẩn quốc gia; "Xây dựng trường học thân thiện gắn với trường chuẩn quốc gia; Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, thi đua xây dựng nông thôn mới; Đền ơn đáp nghĩa; Nhân đạo từ thiện, trợ giúp người nghèo... Phong trào đã tạo ra nhiều điểm sáng văn hóa, các mô hình, mẫu hình có sức thuyết phục cao, lan tỏa rộng. Điển hình tiên tiến là các gia đình văn hóa tiêu biểu, các khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

g) Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội

Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực, các hủ tục lạc hậu cơ bản được xóa bỏ. Đồng bào các dân tộc thiểu số đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, số vụ tảo hôn và cưỡng ép kết hôn từng bước được giảm dần (theo báo cáo hàng năm của Sở Tư pháp). Cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, chú trọng lấy phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa làm giải pháp cơ bản để triển khai thực hiện. Xây dựng và thực hiện tốt quy ước cộng đồng, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động quần chúng bình xét các danh hiệu thi đua đã có tác động tích cực đến Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

i) Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

Công tác xây dựng và phê duyệt hương ước, quy ước của khu dân cư cơ bản thực hiện theo đúng quy trình soạn thảo, thông qua, thẩm định và phê duyệt trước khi đưa vào triển khai thực hiện. Hương ước, quy ước khi xây dựng đã đảm bảo phát huy dân chủ, công khai, bảo đảm tự nguyện, trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của cộng đồng dân cư. Nội dung và hình thức thể hiện cơ bản đảm bảo yêu cầu quy định; phù hợp với truyền thống, phong tục, tập quán và bản sắc địa phương, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện; bám sát đời sống và tình hình thực tế của từng địa phương nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mang tính tự quản của cộng đồng, xây dựng nếp sống văn hóa, phát huy truyền thống, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư, bài trừ các hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang và lễ hội; đưa ra các biện pháp phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thông qua việc thực hiện hương ước, quy ước, những quy định của pháp luật về bảo vệ rừng, khuyến học, khuyến nghề, vệ sinh môi trường, sinh hoạt cộng đồng, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, xây dựng gia đình văn hóa được đưa ra để người dân bàn, thống nhất; hương ước, quy ước được cụ thể hóa nội dung theo quy định của pháp luật, phù hợp với phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư. Đến nay toàn tỉnh có 759/851 thôn, ấp, khu phố đã xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước (đạt 89,18%).

1.2. Về xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình

Hàng năm, đều tổ chức các lớp tập huấn về phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và tập huấn nghiệp vụ về công tác gia đình, thu hút hơn 3.500 lượt người tham gia/năm. Trên cơ sở đó, cấp ủy, chính quyền địa phương đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch và quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về xây dựng nếp sống và gia đình, lấy phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" mà trực tiếp là phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa làm giải pháp quan trọng hàng đầu để triển khai thực hiện. Cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là khu vực nông thôn. Việc ăn uống linh đình trong các đám

cưới, đám tang đã giảm. Những nét đẹp văn hóa trong việc cưới, việc tang và lễ hội được hình thành. Các lễ hội được diễn ra lành mạnh ngày càng phát triển và trở thành nhu cầu văn hóa không thể thiếu của nhân dân. Nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh đã được xóa bỏ; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình được thực hiện tốt; mọi người yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau. Quy mô gia đình từ một đến hai con được cộng đồng dân cư chấp hành tốt, từ đó góp phần xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Từ năm 2012, chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục phối hợp với các ngành, các địa phương triển khai Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình và Đề án tuyên truyền đạo đức lối sống trong gia đình. Đến nay, toàn tỉnh có 85 xã thực hiện với 426 Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững, 124 Câu lạc bộ Tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình (thu hút hơn 21.200 gia đình tham gia) và 426 Nhóm xung kích phòng, chống bạo lực gia đình. Tại các thôn, ấp, khu phố thuộc 111 xã, phường, thị trấn của tỉnh, đã thành lập 594 địa chỉ tin cậy 378 cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình. UBND cấp xã và Ban điều hành thôn, ấp, khu phố thiết lập đường dây nóng bằng cách công bố số điện thoại của các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc phòng, chống bạo lực gia đình để nhân dân tại địa bàn biết. Tại mỗi thôn, ấp, khu phố thuộc các xã, phường, thị trấn triển khai Mô hình, các địa bàn triển khai thành lập 01 câu lạc bộ, mỗi câu lạc bộ có khoảng 20 - 50 cặp vợ chồng tự nguyện tham gia sinh hoạt. Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ: có từ 3 đến 5 thành viên bao gồm Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, thư ký và ủy viên. UBND cấp xã ra quyết định thành lập Câu lạc bộ, đồng thời ban hành quy chế sinh hoạt Câu lạc bộ. Tuỳ theo thực tế từng địa bàn triển khai, địa điểm sinh hoạt có thể tại trụ sở nhà văn hoá xã/phường, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà thành viên Ban chủ nhiệm hoặc nhà các thành viên Câu lạc bộ... Nội dung tuyên truyền chú trọng giáo dục về vai trò, vị trí, ý nghĩa của đạo đức lối sống, cách ứng xử tốt đẹp trong gia đình; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình, dân tộc, phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong gia đình. Mỗi ấp thành lập 01 Nhóm xung kích phòng, chống bạo lực gia đình có từ 3 đến 5 thành viên do trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc công an viên làm nhóm trưởng chọn từ các thành phần sau: Công an viên, Ban công tác Mặt trận, Hội cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, nhân viên y tế thôn. UBND cấp xã ra quyết định thành lập nhóm xung kích đồng thời ban hành quy chế hoạt động của nhóm xung kích đảm bảo tính hợp pháp. Theo đó, Nhóm xung kích có trách nhiệm lên danh sách những gia đình có nguy cơ cao về bạo lực gia đình (gia đình có người nghiện rượu, gia đình thường xuyên có mâu thuẫn, bất đồng,..) để tư vấn cho các thành viên gia đình về kỹ năng ứng xử, cách thức xử lý các tình huống mâu thuẫn gia đình. Đồng thời, nhóm xung kích có trách nhiệm can thiệp kịp thời để chấm dứt ngay hành vi bạo lực và đưa nạn nhân đến các dịch vụ hỗ trợ cần thiết.

Nhờ thiết lập đường dây nóng, hoạt động của Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững và Nhóm xung kích phòng, chống bạo lực gia đình cũng như hoạt động tích cực của tổ hòa giải tại các thôn, ấp, khu phố nên các vụ bạo lực gia

đình có xu hướng được phát hiện sớm, bình quân mỗi năm giảm khoảng 08 - 10 %. Trong năm 2012, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra có 637 vụ, năm 2019 có 384 vụ (giảm 39,7 % so với năm 2012). Nạn nhân bạo lực gia đình chủ yếu là phụ nữ và trẻ em, nguyên nhân do sự bất bình đẳng giới, bất bình đẳng về quyền lực; sự thiểu hiểu biết về pháp luật và nhận thức của người dân về bạo lực gia đình còn hạn chế; các thành viên thiểu kỹ năng ứng xử, cách giải quyết chưa phù hợp khi gia đình có sự mâu thuẫn, xung đột. Ngoài ra, tình trạng cờ bạc, rượu chè, thiếu việc làm, ngoại tình cũng là những yếu tố góp phần dẫn đến bạo lực gia đình.

1.3. Về hệ thống các thiết chế văn hóa cấp xã và thôn, ấp

- Trong những năm qua, tỉnh đã triển khai nhiều chính sách nhằm đầu tư và huy động nguồn lực từ cộng đồng nhằm xây dựng và củng cố hệ thống thiết chế văn hóa, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cho công tác quản lý văn hóa, thể thao ở cơ sở trên địa bàn tỉnh như: đời sống văn hóa các đồng bào vùng sâu, vùng xa vùng biên giới còn nhiều khó khăn, khoảng cách mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng thành thị và nông thôn còn chênh lệch lớn. Hầu hết ở các xã chưa có đất quy hoạch hoặc đã quy hoạch đất nhưng chưa có vốn đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực trạng hệ thống các thiết chế văn hóa cấp xã và thôn, ấp trên địa bàn tỉnh được thể hiện cụ thể ở các mặt sau:

- Tỉnh hiện có 111/111 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Hội trường cấp xã; trong đó có 60/111 Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn theo quy định với diện tích sử dụng từ 300 m^2 trở lên, riêng các khu thể thao từ 1.500 m^2 trở lên; cơ sở vật chất, trang thiết bị được trang bị đầy đủ;

- Trên địa bàn tỉnh có 851/851 thôn, ấp có Nhà văn hóa, hội trường, trong đó có 384/851 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định. Diện tích đất sử dụng trung bình là 250 m^2, trong đó hội trường chính khoảng 80 m^2, các công trình khác khoảng 170 m^2. Các Nhà văn hóa được xây dựng ở vị trí trung tâm, tập trung dân cư, được trang bị cơ bản các thiết bị đảm bảo hoạt động.

- Hàng năm, các thiết chế văn hóa là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, tuyên truyền, cổ động nhân dịp các ngày lễ lớn của dân tộc, các sự kiện trọng đại của đất nước và phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội của địa phương; nhiều địa phương đã chủ động xây dựng và phát triển phong trào văn nghệ quần chúng, xây dựng các câu lạc bộ, đội nhóm để đẩy mạnh đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh đã phát huy tối đa công năng, phục vụ tốt sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí nhân dân.

- Kinh phí hoạt động của Nhà văn hóa thôn, ấp chưa có, chủ yếu từ nguồn xã hội hóa và đóng góp của nhân dân, không đáp ứng đủ cho công tác tuyên truyền và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện góp phần thúc đẩy phong trào phát triển ngày càng sâu rộng. Nguồn lực của nhân dân trong xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư tiếp tục được duy trì và phát triển. Đời sống vật chất văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, góp phần bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

1.4.2. Những tồn tại, hạn chế

- Phong trào phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số ít nơi công tác bình xét còn mang tính hình thức, việc tôn vinh các cá nhân, tập thể điển hình chưa kịp thời, còn hiện tượng chạy theo thành tích. Một số Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, ấp chưa đạt chuẩn theo quy định do được xây dựng từ lâu.

- Trang thiết bị trong nhà văn hóa còn đơn giản, chủ yếu do nhân dân đóng góp, mua sắm dần nên không đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động.

1.4.3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân kết quả đạt được

- Sự quan tâm, hướng dẫn kịp thời của các bộ, ngành Trung ương; công tác lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội, cùng với sự tham gia của cả hệ thống chính trị.

- Sự hưởng ứng, đồng thuận cao của toàn xã hội đối với chủ trương xây dựng nông thôn mới gắn với triển khai thực hiện Đề án "Phát triển văn hóa nông thôn" và thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh.

b) Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Nguồn lực còn khó khăn nên công tác hướng dẫn, tổ chức và duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong các thiết chế văn hóa chưa được thường xuyên. Đội ngũ cán bộ quản lý thiết chế văn hóa ở cấp cơ sở chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa qua đào tạo hoặc đào tạo không đúng chuyên môn nên còn lúng túng trong việc tổ chức các hoạt động thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

+ Kinh phí xây dựng, đầu tư trang thiết bị cho các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng tối đa nhu cầu. Công tác xã hội hóa để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở còn hạn chế; vận động, huy động nguồn lực trong nhân dân còn gặp khó khăn, đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất chưa đồng đều.

+ Mặt trái của sự phát triển công nghệ thông tin đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của một bộ phận thanh thiếu niên trong việc tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác phối hợp giữa các cấp, ngành và đoàn thể ở một số địa phương chưa thực sự đồng bộ, nhất quán. Một số ít nơi còn hiện tượng bệnh thành tích, chưa phản ánh đầy đủ tình hình thực tế.

+ Công tác quy hoạch quỹ đất cho các thiết chế văn hóa, thể thao còn gặp nhiều khó khăn. Kinh phí để sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa còn hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động sinh hoạt của nhân dân.

2. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa

2.1. Di sản văn hoá vật thể

Giai đoạn 2016-2020, công tác lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia được 02/02 di tích (đạt 100%); di tích cấp tỉnh được 12/7 di tích cấp tỉnh (đạt 171,4%) so với quy hoạch.

Hiện nay, tổng số di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh là 41 di tích, gồm 05 di tích quốc gia đặc biệt, 11 di tích quốc gia và 25 di tích cấp tỉnh, 45 di tích được đưa vào danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm hiện vật được tổ chức thực hiện hàng năm. Bảo tàng tỉnh đang bảo quản và phát huy giá trị 13.561 hiện vật, trong đó có 01 hiện vật được công nhận bảo vật quốc gia là Đàn đá Lộc Hòa. Hàng năm, tổ chức kiểm kê, bảo quản hiện vật tại kho cơ sở Bảo tàng tỉnh, tại các nhà truyền thống, phòng trưng bày. Bảo đảm 100% hiện vật được bảo quản tốt, phục vụ công tác trưng bày, giới thiệu, phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh.

2.2 Di sản văn hoá phi vật thể

Từ năm 2012 - 2020, tổ chức phục dựng 03 lễ hội bao gồm: Lễ hội xuống đồng của người Khmer Bình Phước; Lễ hội lập Làng mới của người S'tiêng Bình Phước, Lễ hội kết bạn cộng đồng người Mnông Bình Phước; phục dựng lễ cưới truyền thống của người S'Tiêng Bù Đek xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, năm 2020.

Thực hiện 03 dự án: "Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người Khmer Bình Phước"; "Nghiên cứu, khảo sát và định dạng âm nhạc của người S'tiêng Bình Phước"; "Chụp hình và tổ chức quay phim về lễ trả Của của người S'Tiêng";

Tổ chức lập hồ sơ khoa học đối với 03 di sản văn hóa phi vật thể gồm: Lễ hội Miếu Bà Rá (thị xã Phước Long), Kỹ thuật chế biến rượu cần của người S'tiêng tỉnh Bình Phước, Lễ hội Phá bàu trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hiện nay đang tiếp tục hoàn thiện 01 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể: "Lễ hội Cầu bông của người Kinh ở Bình Phước" đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

3. Hệ thống các thiết chế văn hóa

3.1. Thiết chế Bảo tàng tỉnh và Nhà truyền thống cấp huyện:

- Thiết chế Bảo tàng tỉnh:

Chưa xây dựng thiết chế độc lập mà được bố trí trong khu làm việc với thiết chế Trung tâm văn hoá tỉnh và Thư viện tỉnh được xây mới vào năm 2015 tại Trung tâm Thành phố Đồng Xoài. Việc bố trí 03 thiết chế trong một khuôn viên nhằm tạo sự thuận lợi cho nhân dân khi đến sinh hoạt, tham quan; đồng thời phù hợp với ngân sách và quỹ đất của địa phương (không đạt so với quy hoạch).

Về công tác chuyên môn, trong 8 năm triển khai Quy hoạch Ngành, Bảo tàng đã thực hiện 82.213 lượt khách tham quan, đạt 106% chỉ tiêu đề ra (77.500 lượt); trưng bày lưu động 44 đợt, đạt 176% chỉ tiêu (25 đợt); sưu tầm 1.954 hiện vật, hình ảnh, đạt 247% so với chỉ tiêu (790 hiện vật, hình ảnh). Đồng thời, kiểm kê, bảo quản hiện vật tại kho cơ sở, hiện vật tại phòng trưng bày Di tích Tà Thiết, Di tích Nhà Giao Tế và hiện vật ngoài trời. Tiến hành tu bổ, tôn tạo di tích được 08 đợt, đạt 133%, vượt 33% chỉ tiêu; chống mối mọt thực hiện được 02 di tích, đạt 100% chỉ tiêu; làm mới 02 sa bàn, đạt 100% chỉ tiêu đề ra; phối hợp với các nhà nghiên cứu, các cơ quan chức năng thực hiện khảo cổ hệ thống di chỉ Bãi Tiên (thành đất đắp tròn). Tiến hành thường xuyên công tác thuyết minh, giới thiệu, quảng bá, phát triển công chúng của Bảo tàng; tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm chuyên đề.

Nhìn chung, về thiết chế Bảo tàng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt. Tuy nhiên, về lâu dài cần phải xây dựng một thiết chế Bảo tàng tỉnh đúng theo quy định; việc quy hoạch xây dựng Bảo tàng Cao su chưa thực hiện được.

- **Nhà truyền thống cấp huyện:** Nhà truyền thống cấp huyện trên địa bàn tỉnh có: 15 nhà truyền thống, phòng trưng bày và một bảo tàng (Bảo tàng Chiến dịch đường 14 - Phước Long).

3.2. Thiết chế Di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đây gọi tắt là di tích Căn cứ Tà Thiết)

Năm 2017, Ban Quản lý di tích Căn cứ Tà Thiết được thành lập thông qua Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trụ sở đóng trên địa bàn huyện Lộc Ninh. Hiện nay, di tích Căn cứ Tà Thiết với diện tích hơn 3.000ha được xây dựng với 3 phần chính là Nhà điều hành, các công trình tri ân (5 công trình gồm: Cột cờ, cổng chào, Đài tưởng niệm, Đền tưởng niệm, nhà thờ 3 cơ quan), các hạng mục di tích (tổng cộng 10 hạng mục) và các công trình phụ khác như nhà khách, nhà hàng…

Từ năm 2017 và 2018, Ban Quản lý di tích Căn cứ Tà Thiết đã tiếp đón được hơn 40.000 lượt khách tham quan. Năm 2019, đây là năm đầu tiên được tự chủ một phần kinh phí từ nguồn thu bán vé khách tham quan, Ban Quản lý di tích Căn cứ Tà Thiết đã tiếp đón được 295 đoàn với hơn 25.700 lượt khách tham quan, tổng thu 400.000.000 đồng (thu phí được bắt đầu từ tháng 4/2019), đến

năm 2020 có 117 đoàn với gần 14.000 lượt khách, giảm 45,5% so với năm 2019 (do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khiến cho lượng khách tham quan giảm).

3.3. Thiết chế Thư viện, Phòng đọc sách

Hiện nay Thư viện tỉnh chưa có trụ sở riêng và đang được bố trí chung trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa tỉnh (từ tháng 11/2015) với diện tích sử dụng 551,1m^2 với các phòng: Phòng HC-TH, Phòng Nghiệp vụ, Phòng phục vụ bạn đọc cùng với kho mượn, kho lâu chuyển và kho sách báo lưu trữ.

Trong những năm thực hiện Quy hoạch Ngành, bình quân mỗi năm Thư viện tỉnh đã phục vụ 733.206 lượt bạn đọc; cấp và gia hạn khoảng 125 thẻ thư viện; tổ chức thực hiện 84 đợt trưng bày sách, báo, tạp chí (đạt trên 100% so với chỉ tiêu kế hoạch); trung bình hàng năm khoảng 90.000 lượt sách, báo được luân chuyển thông qua các đợt trưng bày, triển lãm; phục vụ lưu động; phục vụ tại Thư viện ...(đạt trên 100% so với chỉ tiêu kế hoạch).

Về hoạt động truyền thông: Thư viện tỉnh đã tăng cường công tác phối hợp nhằm giới thiệu nội dung và hoạt động của Thư viện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các điểm thụ hưởng Dự án BMGF-VN trung bình được 02 chương trình/03 tháng/năm(đạt 100%).

- Hoạt động Thư viện huyện, thị xã:

Trên toàn tỉnh hiện 09 huyện, thị xã có hoạt động Thư viện nhưng chỉ có 03 thư viện có trụ sở làm việc riêng (đạt 33,3%), còn lại đang tổ chức lồng ghép trong các Trung tâm Văn hóa - Thể thao, cơ sở vật chất còn hạn chế, thiếu thốn, nguồn cán bộ chủ yếu kiêm nhiệm, trình độ chưa đáp ứng yêu cầu.

3.4. Hệ thống thiết chế Trung tâm văn hóa - Thể thao

- Thiết chế Trung tâm Văn hóa tỉnh: Có 01

Được xây dựng mới tại đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, bố trí chung với các thiết chế Bảo tàng tỉnh, Ban Quản lý di tích, Thư viện tỉnh từ tháng 11/2015; diện tích sử dụng là 4,5 ha (đạt 100%).

Về công tác tổ chức tuyên truyền lưu động phục vụ nhân dân được 100/150 suất biểu diễn so với quy hoạch (đạt 66,6%) do thực hiện theo Thông tư 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11/3/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù với Đội TTLĐ cấp tỉnh; Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 về việc ban hành quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội TTLĐ cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Công tác chiếu phim lưu động được 350/1.400 buổi/năm (đạt 0,25%) vì đời sống văn hoá của người dân đã được nâng lên nên chỉ tiêu chiếu phim lưu động hàng năm phải điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế.

Công tác tuyên truyền cổ động trực quan: Thực hiện công tác tuyên truyền cổ động trực quan, văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị và các ngày lễ lớn của đất nước cũng như tuyên truyền cho công tác tổ chức, tham gia liên

hoan, hội thi, hội diễn cấp toàn quốc, khu vực và địa phương (100% đạt tính mỹ thuật và chất lượng cao)

Hàng năm đều tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan, tham gia triển lãm hình ảnh, hiện vật tối thiểu cấp quốc gia 03/02 lần/năm (đạt 150%), cấp tỉnh trung bình 07/07 lần/năm (đạt 100%)

Về trang thiết bị phục vụ hoạt động và các thiết bị chuyên dùng đều được khai thác sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích. Hội trường được trang bị mới thiết bị âm thanh, ánh sáng, cơ sở vật chất đảm bảo; 02 bộ máy chiếu phim HD kỹ thuật số, 01 bộ máy chiếu phim 100 ich; 01 bộ máy chiếu phim nhựa 35mm; 01 xe chuyên dùng chiếu bóng lưu động; 01 sân khấu lưu động đang sử dụng. Hiện chưa có xe chuyên dùng sân khấu phục vụ tuyên truyền lưu động.

- Thiết chế Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện, thị xã; Phòng Văn hóa và Thông tin:

Thực hiện Đề án 999 của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức, bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, hiện nay trên toàn tỉnh có 06/11 huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

3.5. Thiết chế Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh

- Thiết chế Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Bình Phước: Có 01

Trụ sở Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh tọa lạc tại Số 624, Quốc lộ 14, thành phố Đồng Xoài. Tòa nhà này được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2001 với công năng là trụ sở làm việc của Trung tâm Văn hóa tỉnh. Năm 2005, Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh được thành lập đã sử dụng một phần tòa nhà để làm việc. Đến tháng 11 năm 2015, Trung tâm Văn hóa tỉnh dời về trụ sở mới tại đường Hồ Xuân Hương, Đoàn tiếp nhận trụ sở làm việc từ Trung tâm Văn hóa tỉnh và làm việc cho đến nay. Bên cạnh đó, năm 2013 Đoàn cũng được cấp 01 khu nhà tập luyện để thuận tiện cho công tác phục vụ chuyên môn biểu diễn nghệ thuật (đạt 100%).

Hàng năm, công tác xây dựng chương trình nghệ thuật biểu diễn có quy mô lớn, hoành tránh phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhân dân được 08/04 chương trình (đạt 200%). Tổ chức chương trình nghệ thuật biểu diễn miễn phí phục vụ nhân dân tại thành phố Đồng Xoài và lưu diễn trung bình được 100/170 suất không đạt so với chỉ tiêu quy hoạch (chỉ đạt 58,8%) do phải điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Do thu nhập của người dân Bình Phước còn thấp nên nhu cầu thưởng thức các chương trình nghệ thuật có tính nghệ thuật cao bị ảnh hưởng. Vì thế chưa tổ chức được các chương trình biểu diễn có bán vé như quy hoạch 30 suất/năm.

4. Hoạt động kinh doanh cung ứng hàng hóa, dịch vụ văn hóa

Từ năm 2017, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh được thành lập nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến liên hệ việc thực hiện quản lý kinh doanh dịch vụ và dịch vụ văn hóa công cộng.

Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về công bố chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Các thủ tục có liên quan sẽ được tiếp nhận và xử lý trực tuyến thông qua hệ thống điện tử một cửa của Trung tâm Phục vụ Hành Chính công tỉnh ở mức độ 3, 4.

Từ năm 2012 đến nay, cấp 2.162 giấy phép thực hiện quảng cáo; 394 giấy tiếp nhận biểu diễn nghệ thuật; 123 giấy tiếp nhận karaoke (từ năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phân cấp việc cấp phép karaoke hộ cá thể về cấp huyện tiếp nhận và cấp phép).

Đối với hoạt động khoa học công nghệ: Trong 8 năm triển khai Quy hoạch Ngành, đã triển khai thực hiện 04 Hội thảo cấp tỉnh; 01 Hội thảo cấp quốc gia; 06 Đề tài nghiên cứu khoa học chủ yếu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, như: dự án "Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người Khmer Bình Phước" (2012); sưu tầm hiện vật về văn hóa truyền thống của người Khmer Bình Phước (2012); xây dựng đề cương, kế hoạch sưu tầm phục vụ trưng bày nhà dài truyền thống tại di tích Bom Bo, huyện Bù Đăng (2012); sưu tầm hiện vật về văn hóa truyền thống của người M'nông Bình Phước (2013); phục dựng lễ hội Lập làng mới của người S'Tiêng Bình Phước (2012); phục dựng lễ hội Xuống đồng của người Khmer Bình Phước (2013)… Đồng thời, thực hiện các dự án, các chuyên đề, bài viết về văn hóa phi vật thể như: Nghiên cứu về đám cưới, phong tục tập quán, trang phục truyền thống, chế biến rượu cần… của người S'Tiêng, người Khmer, người M'nông, người Tà Mun Bình Phước đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm giới thiệu, bảo tồn và phát huy các loại hình văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

Đối với công tác xã hội hóa trong hoạt động văn hóa: Trong 8 năm qua, UBND tỉnh ban hành 05 Quyết định cho 03 doanh nghiệp đầu tư vào việc xây dựng các pa-nô hộp đèn tuyên truyền cổ động nhiệm vụ chính trị kết hợp với quảng cáo thương mại trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đó, tiết kiệm được hàng tỷ đồng để tuyên truyền cổ động nhiệm vụ chính trị (chủ đầu tư giành riêng ra 20% trên tổng số pa-nô hộp đèn để tuyên truyền cổ động nhiệm vụ chính trị). Các thành phần kinh tế tư nhân, hộ gia đình tham gia hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa chiếm tỷ lệ ngày càng tăng và trở thành lực lượng chủ yếu đáp ứng các nhu cầu vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa của nhân dân địa phương, điển hình như: Công ty TNHH Mỹ Lệ, Công ty Cao su Bình Long (Thác số 4), Công ty Cao su Phú Riềng (Trung tâm Văn hóa - Thể thao)…

Riêng đối với hoạt động xã hội hóa, hợp tác quốc tế: Hiện nay, tỉnh chưa có cơ chế thu hút các đơn vị, doanh nghiệp tham gia hoạt động xã hội hóa. Do đó, các thiết chế văn hóa vẫn hoạt động chủ yếu bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, chỉ có lĩnh vực chiếu phim có thực hiện công tác xã hội hóa cho Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Dịch vụ Sang Tùng đầu tư trang bị máy chiếu phim 3D hiện đại, khai thác có hiệu quả rạp chiếu 3D.

Ngoài ra, thực hiện giao lưu, hợp tác và nhận được sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh như: Dự án "Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam" (do Quỹ BMGF-VN tài trợ tại 26 điểm thư viện trên địa bàn tỉnh); tổ chức giao lưu biểu diễn nghệ thuật với các nước khu vực Đông nam Á, Ấn Độ.

5. Đánh giá chung

Sau 8 năm triển khai thực hiện Quy hoạch, cơ bản đã làm chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân; hệ thống cơ sở vật chất, các thiết chế về văn hóa từng bước được đầu tư hoàn thiện hơn; các hoạt động văn hóa, văn nghệ cơ bản đáp ứng nhu cầu, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng; các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các tỉnh thành và giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng; các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy. Nhờ đó đã góp phần quan trọng tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế văn hóa, xã hội của tỉnh.

6. Những tồn tại, hạn chế

- Các đơn vị sự nghiệp văn hóa của tỉnh và huyện chưa thực sự năng động trong việc liên kết các thành phần kinh tế để khai thác phát huy hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất hiện có.

- Đội ngũ các bộ làm công tác văn hóa, nhất là tuyến cơ sở còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều bất cập. Việc vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách cụ thể nhằm phát huy nội lực còn nhiều hạn chế.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành có liên quan chưa đồng bộ. Ảnh hưởng cơ chế thị trường, chạy theo lợi nhuận đã nảy sinh nhiều tiêu cực trong kinh doanh, cung ứng dịch vụ văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Hầu hết các thiết chế văn hóa chưa hoàn thiện: Chưa được bố trí trụ sở riêng, cơ sở vật chất thiếu thốn, xuống cấp; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chưa xây dựng được Bảo tàng Cao su Việt Nam - Bình Phước.

- Công tác xã hội hóa, hợp tác quốc tế chưa thu hút các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân tham gia.

B. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO

1. Kết quả phát triển thể thao quần chúng

- Phát triển thể dục, thể thao quần chúng là một nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển thể dục thể thao của tỉnh Bình Phước. Để phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển sâu rộng, lan tỏa đến mọi tầng lớp nhân nhân, ngày 04/3/2013, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND để tổ chức thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” đã được các cấp,

các ngành và mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng thực hiện, kết hợp hiệu quả với việc thực hiện Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

- Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương phong trào thể thao đã được phát triển sâu rộng tới các cấp xã, phường, thị trấn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới. Hàng năm, ngành VHTT&DL được giao là cơ quan chủ lực phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động thể dục thể thao nhằm thúc đẩy các hoạt động thể thao quần chúng phát triển, thu hút sự nhiệt tình hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng từ 194.405 người năm 2012 (21,3% dân số) lên 329.347 người năm 2020 (32,7% dân số) đạt 99,27% chỉ tiêu Quy hoạch đã đề ra. Tính đến hết năm 2020 số hộ gia định thể thao đạt 57.553 hộ chiếm tỷ lệ 20,8%, đạt 99,04% chỉ tiêu Quy hoạch và tăng 8,7% so với năm 2012. Số hộ "Gia đình thể thao" phát triển nhanh lan tỏa sâu rộng. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian tiếp tục được phục hồi và phát triển.

- Hàng năm, tỉnh đã tổ chức được hàng trăm giải thi đấu thể thao với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và hấp dẫn, trong đó: cấp tỉnh tổ chức trung bình từ 15 - 20 giải; cấp huyện tổ chức trung bình từ 8 - 10 giải/huyện; cấp xã tổ chức trung bình từ 2 - 3 giải/xã. Các giải thể thao được tổ chức đã tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích và thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đem lại nhiều hiệu quả tích cực, thúc đẩy sự phát triển của phong trào thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở. Đại hội thể dục thể thao, Hội khoẻ Phù Đổng, Liên hoan văn hóa - thể thao các dân tộc, Hội thao người khuyết tật, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân đến tham gia; qua đó nâng cao thể lực, đời sống tinh thần cho người dân, góp phần đẩy lùi tệ nạn xã hội.

- Số lượng câu lạc bộ thể dục thể thao được tăng lên, năm 2012 có 70 câu lạc bộ đến năm 2020 có 95 câu lạc bộ được công nhận và hàng trăm câu lạc bộ thể dục thể thao tự phát (ngoài công lập) như võ thuật, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, xe đạp, cờ tướng, thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ…

2. Kết quả phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, UBND tỉnh Bình Phước đã chỉ đạo ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo ký kết các chương trình phối hợp sau: Chương trình phối hợp số 311/CTPH-SGDĐT-SVHTTDL ngày 15/3/2012 về chỉ đạo công tác thể dục, thể thao trường học giai đoạn 2012 - 2015; Chương trình phối hợp số 1097/CTPH-SGDĐT-SVHTTDL ngày 05/4/2017 về chỉ đạo, quản lý, tổ chức công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học giai đoạn 2017 - 2020.

- Các chương trình phối hợp đã được ký kết là cơ sở quan trọng để ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, chỉ đạo các trường học thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất theo chương trình chính khóa, tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa, bảo đảm mục tiêu

phát triển toàn diện cả về kiến thức, thể chất và kỹ năng cho học sinh, sinh viên. Đến thời điểm hiện tại, 100% số trường học thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất chính khóa; hơn 80% số trường học có tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa.

- Hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao trong trường học ngày càng được hoàn thiện tạo nền tảng để nhiều CLB thể dục thể thao cơ sở trong trường học phát triển. Đến nay, đa số các trường học trên địa bàn tỉnh đều có hệ thống sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trường học. Các giải thể thao trường học, đặc biệt là Hội khỏe Phù Đổng luôn được duy trì tổ chức thường xuyên, thu hút hàng nghìn lượt vận động viên tham gia thi đấu.

- Việc duy trì thực hiện Chương trình bơi an toàn và phòng chống đuối nước cho học sinh luôn được lãnh đạo 02 ngành quan tâm phối hợp, các lớp phổ cập bơi cho học sinh được tổ chức rộng khắp tại các địa phương, tỉ lệ học sinh biết bơi trên toàn tỉnh ngày càng tăng, đây là hoạt động rất có ý nghĩa, góp phần giáo dục, trang bị cho học sinh những kiến thức, kĩ năng cơ bản để bảo vệ bản thân, phòng tránh những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra.

3. Kết quả phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang

- Công tác thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang luôn được quan tâm, nhằm phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong việc phát triển phong trào thể dục thể thao tại địa bàn đóng quân, nhất là vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Trong lực lượng Công an tỉnh thường xuyên duy trì hoạt động của Câu lạc bộ thể dục thể thao để tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao; số CLB hoạt động thường xuyên gồm 10 CLB: Quần vợt, Cầu lông, Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Cờ tướng, Bơi, Bắn súng, Điền kinh, Võ thuật thu hút gần 1.000 hội viên thường xuyên tham gia luyện tập. Ngoài ra, Công an tỉnh thường xuyên tổ chức các Hội thao, giải thi đấu thể dục thể thao dành cho cán bộ, chiến sĩ tham gia thi đấu, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần, rèn luyện thể chất, nâng cao thể lực cho cán bộ, chiến sĩ.

- Trong năm 2020, khu liên hợp tập luyện thể dục thể thao ngoài trời thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã được khánh thành và đưa vào sử dụng, với tổng diện tích trên 1.000m2, gồm các khu: bãi xà đơn, xà kép; bãi leo dây đứng, ngang; khu nhảy cao, nhảy xa; khu lắp đặt dụng cụ luyện tập thể dục thể thao ngoài trời với 24 thiết bị các loại; 01 hồ bơi, 01 sân bóng đá, 03 sân bóng chuyền, 02 sân tennis và 01 nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng, đáp ứng yêu cầu rèn luyện thể lực, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức các giải thể thao của lực lượng vũ trang tỉnh.

- Có thể thấy rằng, công tác thể dục thể thao luôn được các cấp ủy đảng, lãnh đạo của lực lượng vũ trang trong tỉnh quan tâm và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Hoạt động thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang luôn diễn ra sôi

nỗi, hình thức đa dạng, phong phú đã nhận được sự hưởng ứng, tham gia tích cực của cán bộ, chiến sĩ trong từng lực lượng. Kết quả rèn luyện hằng năm luôn duy trì: 100% cán bộ, chiến sĩ trong độ tuổi tham gia kiểm tra sức khỏe, 99% đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực; 100% cán bộ, chiến sĩ tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

4. Kết quả phát triển thể thao thành tích cao

- Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh (nay là Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh) được thành lập theo Quyết định số 50/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thể dục thể thao (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) với chức năng, nhiệm vụ chính là đào tạo, huấn luyện vận động viên tham gia thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao. Trong giai đoạn đầu mới thành lập, thể thao thành tích cao tỉnh Bình Phước gặp muôn vàn khó khăn, thiếu thốn cả về cơ sở vật chất cũng như nguồn nhân lực. Thể thao thành tích cao khi đó chỉ đào tạo 03 môn: Điền kinh, Taekwondo, Judo với số lượng huấn luyện viên, vận động viên khá khiêm tốn. Đến ngày 09/10/2006, Đề án xây dựng, đào tạo các đội tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh giai đoạn 2007 - 2010 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND đã tạo tiền đề quan trọng và định hướng phát triển thể thao thành tích cao.

- Hiện nay, Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh đang được quy hoạch với tổng diện tích 21ha, đã được đầu tư xây dựng các công trình như: Nhà tập thể dục thể thao đa năng, Sân vận động, Sân Quần vợt (04 sân), khu nhà tập võ thuật, hệ thống sân bóng chuyền, bóng rổ ngoài trời,…Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục thể thao phục vụ cho công tác huấn luyện, đào tạo cơ bản được đáp ứng, tuy nhiên các công trình, trang thiết bị phục vụ cho công tác huấn luyện nâng cao và đăng cai tổ chức thi đấu các giải thể thao cấp quốc gia còn nhiều hạn chế. Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh chưa có Nhà thi đấu đa năng (dự kiến khởi công xây dựng trong năm 2021), chưa có Hồ bơi; sân vận động chưa hoàn thiện, còn thiếu khán đài A (đang trong quá trình xây dựng), thiếu đường pitch nhựa tổng hợp.

- Căn cứ kế hoạch hoạt động hằng năm của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh luôn chủ động xây dựng kế hoạch tuyển chọn vận động viên phù hợp với từng bộ môn. Đến năm 2020, thể thao thành tích cao của tỉnh tập trung đầu tư ở 14 bộ môn, hằng năm luôn duy trì huấn luyện tập trung từ 250 - 300 VĐV, công tác quản lý, đào tạo, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, chế độ, dinh dưỡng dành cho vận động viên luôn được quan tâm và cải thiện.

- Với sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo ngành thể dục thể thao cùng sự cống hiến hết mình của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thể thao, sau 14 năm hình thành và phát triển thể thao thành tích cao Bình Phước đã có sự phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, thể thao thành tích cao luôn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch UBND tỉnh giao hằng năm và đạt được những thành tích nổi bật như: Tham dự các kỳ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc luôn nằm trong vị trí từ 25 - 30/ 65 đơn vị tham dự; CLB Bóng đá tỉnh Bình Phước duy trì thi

đấu ở giải hạng Nhất quốc gia từ năm 2015 đến nay (năm 2017, 2019 đạt huy chương đồng); tại các kỳ Seagames, Thể thao Bình Phước luôn đóng góp vận động viên cho các đội tuyển thể thao quốc gia, nỗi bật là: VĐV Hoàng Nguyên Thanh môn Điền Kinh (HCĐ Seagames 28), VĐV Lê Thị Mỹ Thảo môn Bơi lội (HCB Seagames 29), VĐV Nguyễn Ngọc Đạt môn Võ gậy Arnis (HCĐ Seagames 30).

- Hiện nay, thể thao chuyên nghiệp tại Bình Phước chưa phát triển, hiện chỉ có duy nhất Câu lạc bộ Bóng đá Bình Phước hoạt động theo hình thức chuyên nghiệp để phù hợp với những quy định của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam khi tham gia giải hạng Nhất quốc gia và Cúp quốc gia, tuy nhiên 100% kinh phí để duy trì hoạt động của Câu lạc bộ Bóng đá Bình Phước đều dựa vào nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao được giao cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hằng năm.

- Công tác tuyển chọn đào tạo: Căn cứ kế hoạch hoạt động của từng năm, ngành VHTT&DL đã chỉ đạo Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch tuyển chọn vận động viên phù hợp cho từng giai đoạn. Luôn xác định công tác tuyển chọn vận động viên có tố chất là nhiệm vụ hàng đầu vì khi có chuyên môn tốt sẽ thuận lợi trong việc đào tạo đỉnh cao, đồng thời trực tiếp giao nhiệm vụ cho trưởng các bộ môn trực tiếp đi cơ sở để tổ chức tuyển chọn (năm 2012 số VĐV tập trung 198/130 đạt 152,3%, năm 2013 số VĐV tập trung 171/130 đạt 131,5%, năm 2014 số VĐV tập trung 230/220 đạt 104,5%, năm 2015 số VĐV tập trung 250/260 đạt 96%, năm 2016 số VĐV tập trung 273/260 đạt 105%, năm 2017 số VĐV tập trung 266/260 đạt 102%, năm 2018 số VĐV tập trung 266/260 đạt 102%, năm 2019 số VĐV tập trung 260/260 đạt 100%, đến tháng 10/2020 số VĐV tập trung 255/255 đạt 100%).

- Các vận động viên được gọi tập trung đào tạo tại Trung tâm đều được bố trí nơi ăn, nghỉ và làm các thủ tục chuyển trường để tiếp tục học văn hóa. Các huấn luyện viên thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện của mình, xây dựng giáo án, kế hoạch huấn luyện tuần, tháng, năm cho bộ môn bảo đảm tính chuyên môn cao. Chế độ dinh dưỡng, chính sách đối với vận động viên cũng được áp dụng kịp thời, hiện nay đang áp dụng chế độ chi cho vận động viên và huấn luyện viên theo Quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao do tỉnh Bình Phước tổ chức và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 5/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung, mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Lực lượng huấn luyện viên ở các tuyến thường xuyên được đào tạo kiến thức, phương pháp huấn luyện. Hiện nay đội ngũ huấn luyện viên thể thao Bình Phước phần lớn có trình độ từ cử nhân TDTT trở lên. Hàng năm, mời các chuyên gia huấn luyện các môn thể thao mũi nhọn như bóng đá, điền kinh, bơi lội... về huấn luyện cho đội tuyển. Số lượng huấn luyện viên tất cả các tuyến là

35 người (trong đó có 3 nữ) so với năm 2012 tăng lên 3 người (trong đó nữ tăng lên 2 người).

5. Kết quả mạng lưới các thiết chế thể dục thể thao

- Cấp tỉnh: Đã xây dựng được 01 sân vận động (chưa có đường pitch nhựa tổng hợp), 01 sân bóng đá, 4 sân tennis, 01 nhà tập thể thao đa năng, 01 khu nhà tập võ thuật và hệ thống các sân tập cho các môn bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ,... Hiện nay, tất cả hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT tại Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh đang được quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng có hiệu quả, đây là nơi tập trung tổ chức các sự kiện thể dục thể thao quan trọng của tỉnh, đăng cai tổ chức các giải thể thao toàn quốc và tổ chức tập luyện cho các đội tuyển thể thao của tỉnh. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT tại Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu của một Trung tâm HL&TĐ TDTT cấp tỉnh theo quy hoạch.

- Ở cấp huyện, thị xã, thành phố hiện nay có 07/11 đơn vị có nhà thi đấu TDTT đa năng hoặc nhà tập TDTT đa năng; 05/11 đơn vị có sân vận động (có khán đài và không có khán đài); 03/11 đơn vị có hồ bơi (chỉ tính hồ bơi được xây dựng bằng ngân sách nhà nước); nhiều đơn vị đã đầu tư lắp đặt dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời tại những nơi công cộng (chủ yếu tập trung tại các khu vực trung tâm huyện). 111/111 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc hội trường, nhà văn hóa phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, trong đó có 46/111 Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn có diện tích sử dụng từ 300m^2 trở lên, khu thể thao từ 1.500m^2 trở lên, có ít nhất 01 loại hình sân bãi phục vụ cho hoạt động TDTT quần chúng (bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn,…). 853/861 thôn, ấp có Nhà văn hóa, hội trường, trong đó có 372/853 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Về cơ bản, các thiết chế văn hóa - thể thao trên địa bàn tỉnh đã phát huy công năng, không chỉ là nơi tổ chức hội họp mà còn là điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí,… của nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng nông thôn, góp phần quan trọng trong việc phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

6. Kết quả xã hội hóa, trong hoạt động thể dục thể thao

- Phát triển TDTT là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị xã hội… Từ quan điểm đó UBND tỉnh đã tham mưu Ban thường vụ Tỉnh Ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành Đề án Quy hoạch phát triển xã hội hoá trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Ngành VHTT&DL chủ động xây dựng các văn bản hướng dẫn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào các tổ chức TDTT, hằng năm huy động nguồn vốn lên đến hàng tỷ đồng, đây là số tiền chưa lớn, song với sự đồng góp của các tổ chức công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp đã cho

thấy công tác xã hội hóa của tỉnh Bình Phước từng bước được lớn mạnh. Đặc biệt Giải Việt dã leo núi toàn quốc "Chinh phục đỉnh Bà Rá" năm 2012 - 2020 đã thu hút các nhà tài trợ với tổng giá trị tài trợ lên đến hàng tỷ đồng. Ngoài ra trên toàn tỉnh có hàng trăm các công trình thể thao được xây dựng theo mô hình xã hội hóa trong đó 120 sân bóng đá nhân tạo, 95 sân quần vợt, 25 hồ bơi, hàng chục Câu lạc bộ thể dục thể hình, thể dục thẩm mỹ…

7. Kết quả về kinh doanh, cung ứng dịch vụ

Hiện nay Bình Phước chưa có cơ sở sản xuất cung ứng các mặt hàng thể dục thể thao với quy mô lớn, chỉ tập trung ở hình thức kinh doanh các mặt hàng TDTT tại các cơ sở nhỏ lẻ. Cung ứng dịch vụ TDTT chủ yếu tập trung tại Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh, Trung tâm VH-TT các huyện, thị xã, thành phố với các hình thức như: cho thuê sân, bãi tổ chức tập luyện, thi đấu các giải thể thao (tennis, cầu lông, bóng đá…) và các sự kiện như Hội chợ triển lãm, các chương trình ca nhạc, xiếc…Ngoài ra, hình thức kinh doanh dịch vụ TDTT ở các môn như bóng đá, bơi, billiards, gym, yoga,… cũng đang có chiều hướng phát triển tốt.

8. Kết quả về hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực TDTT:

Trong thời gian qua, tỉnh mới đưa khoa học công nghệ vào trong hệ thống tổ chức thi đấu các giải thể thao như bốc thăm xếp lịch bằng phần mềm máy tính thay vì bốc thăm tay như trước đây, công tác chấm điểm bằng điện tử của trọng tài trong thi đấu các môn võ. Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc, phương tiện phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học mặc dù chưa có nhưng đội ngũ cán bộ được tiếp cận với khoa học, máy móc cũng tương đối. Mạng lưới kết nối internet của ngành VHTT&DL với các đơn vị trực thuộc và các huyện, thị xã đã đi vào ổn định, 100% cán bộ công chức, viên chức sử dụng hệ thống văn bản điện tử của ngành.

9. Kết quả về truyền thông thể dục thể thao:

Năm 2012, Ngành VHTT&DL đã phối hợp với các ngành liên quan xây dựng, biên soạn 2000 cuốn sách nghiệp vụ công tác thể dục thể thao gắn với "Lời kêu gọi tập luyện thể dục thể thao của Chủ Tịch Hồ Chí Minh" và 400 cuốn tài liệu hướng dẫn các phương pháp tập luyện thể dục thể thao trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về tác dụng của luyện tập thể dục thể thao nhằm động viên, khuyến khích, hướng dẫn mọi đối tượng quần chúng tham gia tập luyện, thi đấu thể dục thể thao. Các chuyên mục trên Báo, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Bình Phước về các hoạt động thể dục thể thao ngày càng nhiều. Các hoạt động thể thao đều được đăng tải lên website của Sở trước và trong thời gian diễn ra.

10. Kết quả hợp tác quốc tế TDTT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành VHTT&DL phối hợp với Tập đoàn cao su Việt Nam tổ chức Hội thao tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam cho người Campuchia; tổ chức đấu giao hữa bóng đá, bóng chuyền với tỉnh Kampong Cham nước Campuchia; mời Thái Lan, Lào, Campuchia tham dự giải Việt dã

leo núi toàn quốc "Chinh phục đỉnh cao Bà Rá" với mục đích nâng cao tình đoàn kết hữu nghị giữa các nước.

11. Kết quả quy hoạch đất dành cho thể thao

- Quỹ đất dành cho thể dục thể thao cấp tỉnh là 21ha; đến nay đã xây dựng được 01 sân vận động, 01 sân tập bóng đá, 4 sân tennis, 01 nhà tập thể thao đa năng, khu nhà tập võ thuật, sân tập cho các môn bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, khán đài A đang trong quá trình xây dựng. Một số công trình như nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng, bể bơi các bước thiết kế kỹ thuật, xây dựng dự toán kinh phí… đã xong nhưng chưa được triển khai do chưa có nguồn vốn đầu tư hiện nay vẫn chưa thể xây dựng. Được sự chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên phương hướng sắp tới tiếp tục tiến hành xã hội hóa các công trình kêu gọi các nhà đầu tư để hoàn thành các dự án còn lại.

- Hiện nay cấp huyện 100% quỹ đất đã được quy hoạch, hơn 60% số huyện, thị xã, thành phố đã được tiến hành xây dựng nhà thi đấu thể thao đa năng, nhà tập thể thao đa năng, sân vận động có khán đài… Bên cạnh đó quỹ đất cấp xã, phường, thị trấn cũng đã được quy hoạch, việc xây dựng các điểm tập luyện thể dục thể thao tại các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn chưa được chú trọng.

12. Đánh giá chung

- Sau khi Quy hoạch được triển khai thực hiện, sự nghiệp thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã có những bước phát triển vượt bậc, phong trào thể dục thể thao phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vai trò và lợi ích của thể dục thể thao.

- Đã có nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Phước cụ thể bằng những chương trình, quy hoạch, kế hoạch đã góp phần định hướng và tạo điều kiện thuận lợi để sự nghiệp thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển.

- Phong trào thể dục thể thao phát triển trong mọi tầng lớp, thành phần của xã hội, đặc biệt là các đối tượng yếu thế trong xã hội như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào các dân tộc thiểu số, …cũng đã được tiếp cận những chủ trương, chính sách ưu đãi trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- Đến thời điểm hiện tại, số người tập luyện TDTT thường xuyên trên toàn tỉnh đạt khoảng 32,7% tổng dân số (tăng 11,4% so với năm 2012 - 21,3%), số gia đình thể thao đạt khoảng 20,8% tổng số hộ gia đình (tăng 8,7% so với năm 2012 - 12,1%), tỉ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên và gia đình thể thao luôn có chiều hướng tăng lên từng năm.

- Thể thao thành tích cao luôn duy trì ổn định công tác đào tạo các môn thể thao thế mạnh, nhiều môn thể thao thành tích cao đã hình thành hệ thống các tuyến vận động viên từ tỉnh đến cơ sở.

- Thể dục thể thao trong trường học và lực lượng vũ trang đã phát triển ổn định trong nhiều năm, đóng góp một phần quan trọng đối với quá trình phát triển thể dục thể thao của tỉnh.

- Một số Liên đoàn, CLB thể dục thể thao đã được UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập (Vovinam, Võ thuật cổ truyền, CLB Võ thuật quân sự) và các hội nhóm, câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở tại các xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, công ty, doanh nghiệp, trường học đã có nhiều hoạt động sôi nỗi đóng góp tích cực vào quá trình phát triển phong trào thể dục thể thao.

13. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

13.1. Tồn tại, hạn chế

- Mặc dù các quy hoạch định hướng phát triển thể dục thể thao đã được triển khai từ lâu nhưng tới thời điểm hiện tại nhiều chỉ tiêu vẫn chưa đạt được so với yêu cầu đề ra, đặc biệt là công tác đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất. Hiện tại, Bình Phước là một trong số ít các tỉnh, thành chưa có Nhà thi đấu TDTT đa năng cấp tỉnh, Hồ bơi cấp tỉnh, sân vận động cấp tỉnh chưa được hoàn thiện.

- Phong trào TDTT quần chúng và hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao phát triển không đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh. Nguồn kinh phí nhà nước đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao tuy đã có những cải thiện trong những năm gần đây nhưng vẫn còn chiếm tỉ lệ nhỏ so với các lĩnh vực khác trong tỉnh và so với các tỉnh, thành trong cả nước.

- Nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao còn hạn chế, đa số cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, chế độ đãi ngộ còn thấp, thường xuyên luân chuyển vị trí công tác, nhất là cán bộ ở cấp xã.

- Thể thao thành tích cao tuy đã có bước phát triển, đạt được mục tiêu đề ra nhưng tính ổn định và bền vững chưa cao, đội ngũ huấn luyện viên chất lượng chưa cao, lực lượng vận động viên kế cận ở các môn thể thao còn mỏng. Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, rèn luyện của vận động viên các tuyến thể thao tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế.

- Chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao còn thấp khiến cho công tác tuyển chọn, thu hút và giữ chân những huấn luyện viên, vận động viên tài năng cống hiến lâu dài cho thể thao Bình Phước gặp không ít khó khăn.

- Công tác xã hội hóa thể dục thể thao chưa phát triển đúng như kỳ vọng, nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao còn rất hạn chế, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao theo hình thức hộ gia đình.

- Hệ thống các Liên đoàn thể thao còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, các Liên đoàn thể thao đã được thành lập chưa phát huy được hết khả năng, vai trò trong công tác phát triển bộ môn, còn phụ thuộc nhiều vào các cơ quan quản lý nhà nước.

13.2. Nguyên nhân

- Một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến công tác phát triển thể dục thể thao, các Chương trình, Đề án, Quy hoạch đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh phê duyệt để phát triển TDTT chưa được cụ thể hóa trên thực tế.

- Với đặc điểm địa bàn rộng, địa hình phức tạp, mật độ dân số thấp trong khi đội ngũ cán bộ làm công tác thể dục thể thao ở cơ sở còn hạn chế nên việc tổ chức, vận động quần chúng nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng biên giới gặp rất nhiều khó khăn.

- 76,09% dân số của tỉnh sống ở khu vực nông thôn (số liệu thống kê năm 2019), đa số làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, điều kiện kinh tế và mức thu nhập trung bình của người dân còn thấp, nhu cầu và điều kiện để người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao chưa cao.

- Điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh vẫn đang gặp nhiều khó khăn, trong khi đó có nhiều lĩnh vực thiết yếu khác đang cần tập trung đầu tư trước như hệ thống cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, an sinh xã hội,… nên nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều hạn chế.

- Hoạt động TDTT trên địa bàn tỉnh vẫn được xem là hoạt động mang tính chất sự nghiệp, kinh phí để hoạt động và phát triển chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước. Kinh tế thể thao là một lĩnh vực còn tương đối mới, nguồn thu từ hoạt động thể dục thể thao rất hạn chế nên không thu hút được các công ty, doanh nghiệp ngoài nhà nước đầu tư vào lĩnh vực này.

C. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển du lịch

1.1. Về lượt khách, doanh thu du lịch:

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu giai đoạn 2011 - 2015 luôn tăng đều qua các năm nhưng ở mức thấp, chưa đạt so với chỉ tiêu dự báo. Về khách du lịch tăng bình quân hằng năm chỉ đạt mức 6,5%/năm (thấp hơn dự báo 7,3%); doanh thu tăng bình quân hằng năm chỉ đạt khoảng 10%/năm (thấp hơn dự báo 17,6%).

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu giai đoạn 2016 - 2020 với lượt khách du lịch tăng bình quân đạt 34,37% (cao hơn dự báo 18,47%%), tuy nhiên doanh thu tăng bình quân chỉ đạt 25,78% của giai đoạn (thấp hơn dự báo 5,85%).

1.2. Hệ thống cơ sở vật chất của hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch:

- Hệ thống lưu trú du lịch: trên toàn tỉnh hiện có trên 500 cơ sở, hiện tại có 82 cơ sở đã được xếp hạng và đang hoạt động (trong đó có 03 khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao, 04 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao, 09 khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 sao với tổng mức đầu tư trên 600 tỷ đồng, từ nguồn vốn xã hội hóa). Nhìn chung, hệ thống lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh hầu hết chỉ mới đáp ứng dịch vụ nghỉ, chưa đáp ứng dịch vụ cơ bản như phòng ăn, quầy bar, quầy hàng lưu niệm (ngoại trừ các khách sạn 03 sao)… Đa số các cơ sở lưu trú phân bổ không đều, chủ yếu tập trung ở trung tâm các huyện, thị xã, thành phố.

- Hệ thống lữ hành: toàn tỉnh có 09 cơ sở kinh doan lữ hành (02 công ty lữ hành quốc tế, 07 công ty, doanh nghiệp lữ hành nội địa), về cơ bản đáp ứng nhu cầu tổ chức các tua du lịch trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, thời gian qua, hầu hết các công ty lữ hành chủ yếu thực hiện chức năng đưa khách của tỉnh đi du lịch các tỉnh khác nhiều hơn là đón khách từ các nơi khác về tỉnh tham quan trong tỉnh.

- Hệ thống các khu, điểm tham quan du lịch: các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh dần được hình thành và phân bố đều trên địa bàn tỉnh, đang lớn mạnh cả về quy mô, chất lượng và đa dạng về các loại hình kinh doanh. Tuy nhiên đến nay trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có khu, điểm du lịch được công nhận cấp tỉnh.

2. Kết quả thực hiện định hướng không gian, sản phẩm du lịch

- Không gian du lịch: Tập trung xây dựng và phát triển tua, tuyến du lịch đặc trưng nội tỉnh, liên vùng và liên khu vực, trong đó:

+ Phát triển theo hướng tuyến Quốc lộ 14, chọn thành phố Đồng Xoài là trung tâm phát triển với các khu, điểm: Khu du lịch hồ suối Cam, Công viên văn hóa đồng xoài, Tượng đài Chiến thắng Đồng Xoài, Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo, Thác Đứng, Khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch.

+ Phát triển tuyến du lịch quốc tế theo hướng Quốc lộ 13 (Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Phước - Campuchia - Lào - Thái Lan), chọn Khu di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết làm trung tâm, là "điểm dừng chân trong chuyến hành trình xuyên Á".

+ Phát triển theo hướng Tỉnh lộ 741, tạo khả năng kết nối giữa khu vực thành phố Đồng Xoài với huyện Đồng Phú, thị xã Phước Long, huyện Bù Gia Mập.

- Sản phẩm du lịch: Đã có 04 loại hình sản phẩm du lịch được khai thác phát triển chủ yếu, đó là: Sản phẩm du lịch sinh thái, với các điểm tham quan chính: Khu quần thể Văn hóa cứu sinh núi Bà Rá, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Trảng cỏ Bù Lạch, cụm thác ghềnh trên sông Đồng Nai… Sản phẩm du lịch văn hóa: Khu quần thể Văn hóa cứu sinh núi Bà Rá, khu Di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết, các di tích lịch sử tại Lộc Ninh, Khu Bảo tồn Văn hoá dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo… Sản phẩm du lịch cuối tuần: Khu quần thể Văn hóa cứu sinh núi Bà Rá, Khu du lịch lâm viên Mỹ Lệ, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Trảng cỏ Bù Lạch. Sản phẩm du lịch tâm linh: Khu quần thể Văn hóa cứu sinh núi Bà Rá, hệ thống các ngôi chùa, đền, đình, miếu…

3. Kết quả công tác xúc tiến, quảng bá du lịch

Thời gian qua, công tác tuyên truyền quảng bá về du lịch được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tích cực triển khai thực hiện, đạt được những kết quả nhất định. Hoạt động quảng bá du lịch được triển khai thông qua hoạt động văn hóa, thể thao và

du lịch, hoạt động hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo về du lịch, kênh thông tin báo chí, truyền thông…

4. Kết quả định hướng đào tạo nguồn nhân lực du lịch và giáo dục cộng đồng

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2020, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu, phối hợp với các trường nghiệp vụ du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức trên 15 lớp tập huấn cho hơn 550 lượt học viên.

5. Kết quả thực hiện các dự án về du lịch

Giai đoạn 2012 - 2020, công tác đầu tư xây dựng các dự án du lịch được tỉnh quan tâm đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm có tầm chiến lược phát triển du lịch, có 07 dự án đã và đang được triển khai thực hiện, cụ thể:

- Khu du lịch núi Bà Rá (dự án Quần thể văn hóa - cứu sinh núi Bà Rá). Các cụm công trình trên đỉnh núi đã hoàn thiện và đang triển khai các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng Bảo tháp và hệ thống cáp treo mới. Dự án do tập đoàn An Viên làm chủ đầu tư.

- Dự án Khu di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết: Đã hoàn thành và khánh thành giai đoạn I từ ngày 23/3/2019. Dự án được UBND tỉnh giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý và tổ chức khai thác chuyển dần sang mô hình tự chủ.

- Dự án Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo: Hiện nay dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng các cụm công trình: Nhà đón tiếp, công trình sân lễ hội, hệ thống đường nội bộ, đường tránh, hệ thống chiếu sáng đường trục chính, cây xanh, đập chứa nước, cổng chào… công tác quản lý và khai thác được UBND tỉnh giao cho UBND huyện Bù Đăng.

- Dự án phim trường kết hợp khu du lịch sinh thái Trảng cỏ Bù Lạch: dự án đã hoàn thành được các hạng mục như đường vành đai, khu A đã hoàn thành toàn tuyến. Hiện nay UBND tỉnh đã giao cho Công ty cổ phần SX-XD-TM&NN Hải Vương làm chủ đầu tư.

- Dự án Khu du lịch Hồ Suối Cam: Hiện nay dự án đang được triển khai xây dựng một phần của hệ thống bờ kè và nạo vét lòng hồ, dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư.

- Dự án phát triển du lịch sinh thái rừng tại Vườn Quốc Gia Bù Gia Mập: đã được UBND tỉnh phê duyệt đề cương kỹ thuật và dự toán chi phí lập đề án phát triển du lịch sinh thái giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hợp phần dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án Bình Phước: do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư đang triển khai thực hiện.

6. Đánh giá chung

Hằng năm UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các ngành, địa phương tham mưu triển khai thực

hiện tốt các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ, giải pháp quy hoạch đề ra, được cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hoạt động. Tình hình hoạt động du lịch giai đoạn 2012 - 2020 của tỉnh đã có những bước phát triển tốt, ngành du lịch của tỉnh cơ bản đã giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Hệ thống tài nguyên du lịch, liên kết vùng, khu vực và quốc tế trong lĩnh vực du lịch đã được hình thành và khai thác. Tỉnh đã có những định hướng trong chiến lược phát triển du lịch, nhiều cơ chế, chính sách về du lịch được thực hiện hiệu quả, đặc biệt là triển khai xây dựng tổng thể, chi tiết về quy hoạch phát triển du lịch được áp dụng thực tiễn; kế hoạch thực hiện phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị được xây dựng và thực thi bằng nhiều giải pháp. Các dự án đầu tư phát triển du lịch được tỉnh quan tâm thực hiện, một số dự án trọng điểm đã được hoàn thành và đưa vào khai thác phát triển du lịch có hiệu quả. Sản phẩm du lịch đang được hình thành và có sự gắn kết các loại hình với nhau như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cuối tuần, du lịch tâm linh. Hệ thống kinh doanh lưu trú du lịch ngày càng hoàn thiện, số lượng ngày càng nhiều, so với năm 2012 đã tăng trên 55%, một số cơ sở lưu trú quy mô lớn 2, 3 sao hoạt động có hiệu quả. Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được phối hợp, đẩy mạnh tuyên truyền.

7. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

7.1. Tồn tại hạn chế

- Hoạt động du lịch mặc dù có những chuyển biến tốt tuy nhiên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của tỉnh. Trước tình trạng khó khăn chung của nền kinh tế, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã tác động không nhỏ đến tiến độ triển khai các dự án. Đa số các nhà đầu tư thực sự còn khó khăn về nguồn vốn, không đủ năng lực để triển khai dự án dẫn đến phải giãn tiến độ, vốn xã hội hóa thu hút đầu tư cho các dự án còn hạn chế, vốn giải ngân của nhiều dự án đạt thấp. Hầu hết các dự án đầu tư du lịch đang trong giai đoạn đầu triển khai, chưa có sức thu hút cao đối với khách du lịch.

- Sản phẩm du lịch đã hình thành nhưng chưa thực sự đặc sắc, kém sức cạnh tranh để hấp dẫn khách, thiếu các loại hình vui chơi giải trí bổ trợ để kéo dài thời gian lưu lại của khách. Các dịch vụ đi kèm như hàng lưu niệm, nhà hàng ăn uống, trạm dừng chân hoạt động theo hướng tự phát, chưa có sự định hướng của ngành du lịch và việc kinh doanh còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro.

- Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch hầu hết có quy mô nhỏ, chưa đồng đều, công tác lữ hành còn yếu. Sự phối kết hợp giữa các đơn vị, các ngành, các cấp trong việc khai thác tài nguyên du lịch còn thiếu chặt chẽ. Do vậy, hiệu quả kinh doanh còn thấp, chưa tạo được sự đột phá, vững chắc theo tinh thần công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch còn kém. Toàn tỉnh mới chỉ có 3 khách sạn đủ tiêu chuẩn xếp hạng 3 sao, các khách sạn đều chưa quan tâm đến công tác

lữ hành, chưa chú trọng đầu tư vào dịch vụ bổ sung và tôn tạo các điểm du lịch. Phần lớn là khách sạn còn thụ động chờ khách, chưa mở rộng liên doanh liên kết với các đơn vị lữ hành để kết nối tua với các thị trường lớn để taọ nguồn khách du lịch ổn định.

- Nguồn nhân lực phục vụ trong ngành du lịch nói chung và các khu, điểm du lịch, lưu trú du lịch nói riêng còn hạn chế về số lượng và chất lượng, đặc biệt là thuyết minh viên tại các điểm du lịch, mặc dù đã được đào tạo nhưng do ít có điều kiện tác nghiệp nên kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn khi khách đến tham quan chưa chuyên nghiệp, thuyết minh thiếu thuyết phục. Nhân viên các bộ phận phục vụ lưu trú du lịch còn hạn chế trình độ, hầu như chưa được qua đào tạo.

7.2. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Nhận thức của một bộ phận cán bộ lãnh đạo và cộng đồng dân cư về phát triển du lịch chưa đầy đủ và đúng nghĩa. Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, để có một sản phẩm du lịch theo đúng nghĩa cần có một chuỗi logic các sản phẩm cung ứng đi kèm. Tiếng nói chung từ nhà quản lý (nhà nước), nhà cung ứng (các khu điểm du lịch, các đơn vị cung ứng sản phẩm bổ trợ...) và nhà khai thác (doanh nghiệp lữ hành) trong các hoạt động du lịch chưa có sự thống nhất chặt chẽ. Do vậy, trong thời gian dài, các hoạt động du lịch của tỉnh gần như hoạt động theo tự phát làm cho tâm lý đầu tư, kinh doanh, khai thác các sản phẩm du lịch hạn chế rất nhiều.

+ Các hoạt động xã hội hóa về du lịch còn hạn chế, công tác đầu tư ít được quan tâm phát triển, cho đến nay tỉnh vẫn chưa thu hút được các dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Chính sách "Trải thảm đỏ" mời gọi đầu tư chung đã được quan tâm xây dựng, điều chỉnh hằng năm. Tuy nhiên, chưa có chính sách riêng dành cho các hoạt động du lịch.

+ Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc tuy đã được giữ gìn và phát huy nhưng việc đưa các giá trị truyền thống trở thành sản phẩm du lịch còn nhiều bất cập.

+ Sự phối hợp các ngành chưa đồng bộ, việc chủ động của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh để chỉ đạo Chương trình đột phá phát triển du lịch còn nhiều hạn chế.

+ Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh đã được kiện toàn nhưng kinh phí hoạt động hàng năm được bố trí rất hạn chế. Do vậy, chưa phát huy được hiệu quả. Bên cạnh đó, kinh phí chi cho công tác xúc tiến du lịch quá thấp chưa đủ để kích thích các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, các sự kiện chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- *Nguyên nhân khách quan:*

+ Các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh chưa hoàn thành đồng bộ, nên chưa tạo được chuỗi sản phẩm du lịch, sức hấp dẫn du khách chưa cao, các điểm du lịch cách xa về không gian, chưa thực sự gắn kết. Sự hỗ trợ về thông tin trên

mạng internet còn hạn chế phần nào gây khó khăn cho các doanh nghiệp dịch vụ lữ hành định hình, thiết kế và tổ chức tuyến du lịch cho khách, đặc biệt là các doanh nghiệp lữ hành ngoài tỉnh đưa khách đến Bình Phước.

+ Tỉnh chưa xây dựng được sản phẩm du lịch mang tính độc đáo, thể hiện nét đặc thù của địa phương, các khu vui chơi giải trí, hệ thống chợ, siêu thị còn rất đơn điệu, khách đến tham quan ít có điều kiện chi tiêu dẫn đến sự nhàm chán.

+ Các hoạt động liên kết của các tỉnh bạn cũng chưa thực sự được quan tâm đúng mức và chưa có sự gắn kết như kỳ vọng, do vậy hiệu quả đem lại thấp.

+ Khoa học phát triển, thông tin Internet bùng nổ là những cơ hội rất lớn đối với các nhà kinh doanh du lịch khi triển khai các gói du lịch khuyến mại hay cập nhật thông tin từ thị trường khách. Tuy nhiên đây cũng là những thách thức rất lớn khi chưa chuẩn bị tốt về quy mô, công nghệ, chất lượng dịch vụ du lịch tương xứng, đồng thời việc quảng bá hình ảnh chưa tạo được ấn tượng cũng như sự hấp dẫn đối với du khách.

+ Sự xuống cấp của môi trường, cảnh quan, giao thông ... đang làm mất dần đi sự hấp dẫn của Bình Phước đối với du khách thập phương.

D. ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CHO LĨNH VỰC VĂN HÓA, GIA ĐÌNH THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Kết quả thực hiện

1.1. Tổng chi ngân sách cho cho lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch giai đoạn 2012 - 2015: *(đính kèm Phụ lục V)*

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2015 tỉnh đã đầu tư xây dựng các công trình như: Trung tâm Văn hóa tỉnh; Nhà tập luyện Đoàn Ca múa nhạc; Hệ thống hạ tầng giao thông Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sok Bom Bo; Đường giao thông từ ngã ba Vườn Chuối vào trảng cỏ Bù Lạch; các hạng mục công trình trong khu di tích Tà Thiết; khu tái định cư, sân lễ hội, sân voi tại Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sok Bom Bo, với tỷ lệ vốn được tăng hàng năm. Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2015 tổng chi ngân sách sự nghiệp dành cho văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh có tăng tỷ lệ theo từng năm. Tuy nhiên, nguồn ngân sách chỉ tập trung ở cấp tỉnh và cấp huyện, còn lại cấp xã đầu tư còn rất thấp. Tỷ lệ chi ngân sách cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong các năm từ khoảng 1,1% đến 1,5% trên tổng chi ngân sách địa phương

1.2. Tổng chi ngân sách cho cho lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch giai đoạn 2016 - 2020: *(đính kèm Phụ lục VI)*

Trong giai đoạn từ 2016 - 2020 với nguồn vốn đầu tư phát triển ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ còn tập trung đầu tư xây dựng các công trình trong khu di tích Tà Thiết như: Đền thờ chính, hàng rào, nhà thờ tự, ….. Kể từ năm 2018 đến nay, một số công trình được thực hiện bằng nguồn vốn sự nghiệp mang tính đầu tư như hệ thống chiếu sáng sân vận động, khán đài sắt có mái che sân vận động , nhà khách trong khu di tích Tà Thiết….. Vốn đầu tư phát triển

tập trung ở cấp huyện như đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Đồng Phú, huyện Bù Gia Mập, huyện Phú Riềng….và một số công trình, dự án khác. Tỷ lệ chi ngân sách cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong các năm từ khoảng 1,3% đến 1,7% trên tổng chi ngân sách địa phương.

2. Kết quả quy hoạch sử dụng đất

2.1. Đất cơ sở văn hóa

Năm 2010, đất cơ sở văn hóa có 296 ha, quy hoạch đến năm 2020 là 436 ha, tăng 140 ha so với năm 2010 và bằng với chỉ tiêu được duyệt và chỉ tiêu quốc gia phân bổ.

2.2. Đất cơ sở thể dục, thể thao

Năm 2010, diện tích đất cơ sở thể dục, thể thao toàn tỉnh có 153 ha; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 754 ha, tăng 601 ha so với năm 2010, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 100 ha và bằng chỉ tiêu quốc gia phân bổ.

2.3. Đất có di tích, danh thắng

Năm 2010, đất có di tích, danh thắng có 152 ha; điều chỉnh quy hoạch bố trí 58 ha, giảm 94 ha so với năm 2010, thấp hơn quy hoạch được duyệt 113 ha và thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ 1.154 ha.

Nguyên nhân chỉ tiêu của tỉnh xác định thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ là do: Chỉ tiêu đất di tích, danh thắng cấp quốc gia phân bổ cho tỉnh là 1.212 ha, trong đó có diện tích của 02 khu di tích (Khu di tích Căn cứ Bộ chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) là di tích cấp quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2367/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích vùng lõi là 370 ha; Khu Di tích lịch sử Núi Bà Rá - Thác Mơ là di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 1568/QĐ-BVHTT ngày 20/4/1995 Bộ Văn hóa Thông tin (cũ) với diện tích là 862 ha.

Tuy nhiên hiện nay, diện tích của 02 khu di tích này thuộc quy hoạch đất rừng đặc dụng; đồng thời, theo quy định của Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì đất di tích, danh thắng là chỉ tiêu sử dụng đất đa mục đích, trong đó nếu có đất rừng thì diện tích đất rừng sẽ được thống kê vào chỉ tiêu đất rừng đặc dụng. Trên thực tế, diện tích đất này vẫn được quản lý, sử dụng theo quy định loại đất di tích danh thắng.

Do đó, diện tích đất rừng nằm trong khuôn viên của 02 di tích này đã được thống kê vào diện tích đất rừng đặc dụng mà không thống kê vào đất có di tích, danh thắng nên diện tích đất có di tích, danh thắng do tỉnh xác định thấp hơn so với cấp quốc gia phân bổ.

3. Nhận xét, đánh giá

3.1. Thuận lợi

Nhìn chung, về nguồn vốn dành cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh có tăng theo từng năm góp phần tăng cường phát triển sự nghiệp

văn hóa, thể thao du lịch trên địa bàn tỉnh. Một số địa phương đã tập trung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện có quy mô đạt tiêu chuẩn.

3.2. Hạn chế

- Mặt dù, nguồn vốn dành cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh có tăng theo từng năm, tuy nhiên, tỷ lệ chi ngân sách cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên tổng cho ngân sách địa phương vẫn còn hạn chế. đặc biệt là ở cấp xã, phường thị trấn còn quá thấp.

- Việc quy hoạch định hướng phát triển ngành trong giai đoạn 2012 - 2020 thì được đầu tư cơ bản các thiết chế văn hóa, hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao, nhưng tới thời điểm hiện tại ở cấp tỉnh vẫn chưa đầu tư xây dựng, các thiết chế quan trọng bắt buộc như: Nhà thi đấu TDTT đa năng cấp tỉnh, Hồ bơi cấp tỉnh, sân vận động cấp tỉnh chưa được hoàn thiện, các thiết chế Bảo tàng, Thư viện chưa có. Ở cấp huyện, hiện nay vẫn còn một số huyện chưa có nhà thi đấu, chưa có sân vận động…

Đ. TỔ CHỨC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG VÀ CÁN BỘ CỦA NGÀNH

1. Cấp tỉnh

- UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch ổn định bộ máy tổ chức và nhân sự sau khi thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo Quyết định số 1140-QĐ/TU ngày 15/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về những nội dung thực hiện Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở giai đoạn 2020 - 2025. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở giai đoạn 2021 - 2026. Triển khai thực hiện việc tinh giản biên chế đảm bảo đúng theo quy định và lộ trình đến năm 2021 là 10% biên chế. Trong giai đoạn 2017 - 2020 đã sáp nhập từ 9 phòng chuyên môn còn 5 phòng chuyên môn và 8 đơn vị sự nghiệp còn 6 đơn vị sự nghiệp.

- Năm 2020, tổng biên chế được giao là 37 biên chế công chức, thực hiện 37 biên chế; 100 biên chế viên chức, thực hiện 92 biên chế. Trong đó:

- Trình độ:

+ Chuyên môn: Thạc sĩ 13 chiếm 10,07%; Đại học 108 chiếm 83,7%; Cao đẳng 1; Trung cấp 6, Sơ cấp 1. *Theo chỉ tiêu quy hoạch trình độ sau đại học ở lĩnh vực TDTT là 10%, ở lĩnh vực văn hóa là 35%; trình độ đại học ở lĩnh vực TDTT là 40%, ở lĩnh vực văn hóa là 65%.*

+ Lý luận chính trị: Cao cấp 25; Trung cấp 53; Sơ cấp 41.

+ Ngoại ngữ: Đại học 1, C 5; B 101; A 7.

+ Tin học: Đại học 2; Trung cấp 3; B 86; A 30.

2. Cấp huyện và cấp xã

- Năm 2020, có 5 phòng Văn hóa và Thông tin; 6 Trung tâm Văn hóa - Thể thao các huyện, thị xã và 111 xã, phường, thị trấn. Tổng số công chức, viên chức là 305 người

- Trình độ:

+ Chuyên môn: Thạc sĩ 01 chiếm 0,32%; Đại học 240 chiếm 78,68%; Cao đẳng 34 chiếm 11,14%; Trung cấp 15, sơ cấp 15. *Theo chỉ tiêu quy hoạch trình độ sau đại học là 15%, đại học là 65%, cao đẳng là 20%.*

+ Lý luận chính trị: Cao cấp 27; Trung cấp 112; Sơ cấp 119.

+ Ngoại ngữ: C 2; B 208; A 68.

+ Tin học: Trung cấp trở lên 7; B 143; A 129.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Văn hóa là cơ sở để phát triển du lịch

Trong 8 năm triển khai thực hiện Quy hoạch ngành, với sự đầu tư, tôn tạo các di tích và phục dựng một số lễ hội trên địa bàn tỉnh bước đầu đã tạo ra những sản phẩm văn hóa thu hút khách tham quan, du lịch phục vụ cho phát triển du lịch của tỉnh, đặc biệt là Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sóc Bom Bo, Khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy Miền - Tà Thiết, Trảng cỏ Bù Lạch, Vườn quốc gia Bù Gia Mập và một số địa điểm do tư nhân quản lý như Đảo Yến Sơn Hà, Khu lâm viên Mỹ Lệ, Khu du lịch sinh thái Bù Đốp đã góp phần thu hút khách du lịch. . . Đồng thời thông qua khách đến tham quan, du lịch đã làm tăng thêm khả năng mở rộng giá trị của các sản phẩm văn hóa, góp phần khai thác, bảo tồn các di sản văn hoá dân tộc, bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên và xã hội trên địa bàn tỉnh. Du lịch của tỉnh đã từng bước được hình thành và phát triển dựa trên những giá trị văn hóa và ngược lại, chính du lịch cũng đã tạo cơ hội để văn hóa có thể phát huy giá trị nhiều hơn.

2. Thể thao với phát huy văn hóa, phát triển du lịch

Bình Phước sau hơn 20 năm xây dựng và phát triển, lĩnh vực thể thao cũng đã góp phần thu hút du khách và tạo dựng thương hiệu Bình Phước trên toàn quốc và các quốc gia lân cận như Lào, Campuchia, Thái Lan . . . qua việc tổ chức thành công các giải thể thao toàn quốc, quốc tế như giải Việt dã leo núi toàn quốc "Chinh phục đỉnh cao Bà Rá", giải bóng đá quốc tế Cúp truyền hình, giải Billiards & Snooker Vô địch quốc gia; phối hợp với Đài truyền hình Bình Dương tổ chức Chặng 1 giải Xe đạp Truyền hình Bình Dương mở rộng… và một số thành tích thể thao nổi bật như đội bóng đá hạng nhất quốc gia, huy chương vàng môn đấu kiếm, huy chương bạc môn bơi lội tại SEA Games, huy chương vàng quốc tế môn Taekwondo…

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Đề nghị tiếp tục hỗ trợ kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về thực hiện công tác phát triển văn hóa nông thôn.

- Hỗ trợ địa phương đầu tư hệ thống thiết chế thể thao cơ bản theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Điều chỉnh Bản đồ quy định Khu vực bảo vệ di tích núi Bà Rá ban hành kèm theo Quyết định số 1568.QĐ/BT ngày 20/4/1995 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc Công nhận di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Rá - Thác Mơ; hỗ trợ kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước đối với các dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo; tuân thủ pháp luật; có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, lối sống văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội; đồng thời nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, tinh thần của nhân dân, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc, vùng biên giới và khu công nghiệp tập trung.

Tiếp tục xây dựng và phát triển sự nghiệp thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tăng tuổi thọ của người Việt Nam theo tinh thần vì sự nghiệp dân cường, nước thịnh, hội nhập và phát triển.

Tiếp tục đưa ngành du lịch lên giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh trên cơ sở khai thác hợp lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên du lịch của tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động liên kết vùng, khu vực và quốc tế trong lĩnh vực du lịch; góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao

- Tiếp tục tập trung xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; đầu tư trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; sưu tầm nghiên cứu phổ biến các giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số; sửa chữa và phát huy tác dụng nhà văn hóa xã, nhà văn hóa cộng đồng thôn, ấp; bảo tồn và phát huy tốt giá trị đạo lý truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa để giới thiệu, quảng bá văn hóa của tỉnh đến với các tỉnh thành trong khu vực.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn

hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách.

- *Trong lĩnh vực gia đình:* Phấn đấu duy trì hàng năm, có từ 90% trở lên hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"; có từ 80% trở lên thôn, ấp, khu phố và tương đương được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn, ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa"; có từ 90% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- *Trong lĩnh vực thể dục, thể thao:* Phấn đấu đến năm 2025 đạt các chỉ tiêu cơ bản về thể dục thể thao quần chúng như sau: số người tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 38,6%; số gia đình thể thao 26,7%; 100% các trường học thực hiện đầy đủ và đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục thể chất chính khóa; 85% các trường học tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa; 98% cán bộ chiến sĩ hoàn thành kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định hàng năm. Đội bóng đá tỉnh Bình Phước tham gia giải vô địch Bóng đá Hạng nhất Quốc gia đạt trong nhóm 6 đội đầu bảng. Tham gia Đại hội TDTT toàn quốc năm 2022 đạt thứ hạng cao trong nhóm 30 hạng đầu trên toàn quốc.

2.2. Lĩnh vực du lịch

- Về lượt khách: Phấn đấu đến năm 2025 đạt khoảng 1,4 triệu lượt khách.

- Về doanh thu: Phấn đấu đến năm 2025 chiếm khoảng 0,5% GDP toàn tỉnh.

- Về việc làm: Phấn đấu tạo 10.000 lao động đến năm 2025.

- Về mức chi tiêu và thời gian lưu trú: Tăng mức chi tiêu của khách du lịch từ khoảng 500.000đ/ngày/khách lên đến 1.000.000đ/ngày/khách; tăng thời gian lưu trú từ 1.07/ngày/khách lên 1.5 ngày/khách vào năm 2025.

- Phấn đấu hoàn thiện và đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận 01 điểm du lịch quốc gia, UBND tỉnh công nhận 02 điểm du lịch cấp tỉnh.

3. Giải pháp trong thời gian tới

3.1. Lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nâng cao đời sống văn hóa cơ sở. Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc địa phương kết hợp tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", xem đây là giải pháp quan trọng để tạo các nguồn lực cho sự phát triển văn hóa nông thôn trong thời gian tới. Chú trọng nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa gắn với phát triển văn hóa nông thôn; giữ vững chất lượng tiêu chí văn hóa đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung của Quy hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng, đặc biệt là đối với dự án xây dựng các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh quy hoạch cơ cấu sử dụng đất dành quỹ đất cho xây dựng các công trình phục vụ cho văn hóa, thể thao; quy hoạch quỹ đất xây dựng các khu vui chơi giải trí, khuôn viên, công viên tại cấp huyện, thị xã, thành phố; ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí xây dựng sân bãi, dụng cụ tập luyện cho các câu lạc bộ trọng điểm ở khu dân cư, đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch để phát triển văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch văn hóa, thể thao và du lịch đã được ban hành để xây dựng kế hoạch phát triển cho giai đoạn 2021 - 2025.

- Sở VH,TT&DL phối hợp:

+ Phối hợp với Ngành Giáo dục và Đào tạo duy trì và nâng cao chất lượng chương trình giáo dục thể chất chính khóa, tổ chức đa dạng các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa trong trường học.

+ Phối hợp với Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý, chỉ đạo và phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao trong lực lượng vũ trang tỉnh.

+ Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh phát động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cán bộ công chức, viên chức, người lao động, công nhân tại các khu công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Thường xuyên tổ chức tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- Huy động các cá nhân, tổ chức trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trong đó có sự hỗ trợ của Nhà nước. Khuyến khích, có chế độ đãi ngộ về phí cấp quyền sử dụng đất, đãi ngộ về thuế trong các hoạt động kinh doanh văn hóa, thể thao.

- Có chính sách ưu đãi, khuyến khích các tập thể cá nhân đầu tư, đóng góp và huy động các nguồn lực vào lĩnh vực văn hóa, thể thao. Đặc biệt đẩy mạnh xã hội hóa trong thu hút các nguồn lực hỗ trợ kinh phí cho các liên đoàn, hiệp hội thể thao, câu lạc bộ, nhà văn hóa hoạt động thường xuyên, hiệu quả và xây dựng các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm.

- Về phát triển văn hóa, gia đình:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 06/7/2015 về triển khai Đề án Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Kế hoạch số 190/KH-UBND

ngày 07/9/2015 về triển khai thực hiện Chiến lược Văn hóa đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 03/4/2017 về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển các ngành Công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và Cuộc vận động "Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt" trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tiếp tục tham mưu tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình hằng năm: Ngày hội Gia đình cấp tỉnh, kế hoạch tổ chức các hoạt động nhân Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 năm 2020 trên địa bàn tỉnh và tham gia Ngày hội Gia đình các tỉnh Đông Nam Bộ.

- Về phát triển thể dục, thể thao:

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả "Cuộc vân động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", Đề án "Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam", Chương trình "Bơi an toàn, phòng, chống đuối nước cho trẻ em" trên địa bàn tỉnh và các chương trình, kế hoạch thể dục thể thao khác.

+ Hoàn thiện hệ thống tổ chức thi đấu các giải thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở. Khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc, đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao về cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động TDTT đảm bảo cho tất cả các đối tượng, lứa tuổi đều có cơ hội tham gia tập luyện và thi đấu thể dục thể thao thường xuyên, đặc biệt là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào các dân tộc thiểu số.

+ Tăng kinh phí đầu tư của tỉnh cho phát triển sự nghiệp thể dục thể thao. Cân đối các nguồn lực đảm bảo cho triển khai dự án các công trình thể thao trọng điểm, trước mắt sớm xây dựng Nhà thi đấu đa năng, sau đó tiếp tục đầu tư xây dựng công trình Hồ bơi.

+ Đối với phát triển phong trào thể thao quần chúng: Có chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ cán bộ làm công tác thể dục, thể thao, đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên cơ sở.

+ Đối với phát triển thể thao thành tích cao: Từng bước cải tiến quy trình tuyển chọn, đào tạo vận động, mở rộng địa bàn tuyển chọn trên toàn tỉnh, ứng dụng khoa học vào công tác tuyển chọn phù hợp với tố chất hoạt động của từng môn; tăng cường gửi vận động viên đi tập huấn tại các trung tâm huấn luyện lớn trong nước và quốc tế. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ huấn luyện viên, thu hút huấn luyện viên có trình độ cao.

3.2. Lĩnh vực du lịch

- Tuyên tuyền nâng cao nhận thức về xây dựng và phát triển du lịch:

+ Nâng cao nhận thức từ các cấp lãnh đạo tỉnh đến các ngành, địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh về xây dựng, phát triển du lịch. Xác định rõ du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tác động lớn đến tiến trình

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển.

- Xây dựng chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư phát triển du lịch. Trong đó tập trung đảm bảo các vấn đề cải cách thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư. Chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp du lịch, doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp lưu trú. Đặc biệt có chính sách ưu đãi về đất, về thuế cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng các khách sạn 4-5 sao và các chính sách khác nhằm tạo môi trường pháp lý thông thoáng nhất trong thu hút đầu tư.

- Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch:

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án du lịch thuộc công trình trọng điểm về du lịch. Rà soát lại quỹ đất để khuyến khích và thu hút các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà hàng chuyên doanh về các món ăn đặc sản của đồng bào các dân tộc tại Bình Phước. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây mới và chỉnh trang các trạm dừng chân đạt chuẩn trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ chính đi qua địa bàn tỉnh. Khuyến khích và hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp du lịch; các công ty lữ hành; các công ty vận tải du lịch (đường bộ và đường thủy nội địa) đủ điều kiện đưa đón khách du lịch.

- Xây dựng sản phẩm, tua, tuyến du lịch và đặc trưng: Phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng, khác biệt, độc đáo của tỉnh để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, cụ thể: Sản phẩm du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng kết hợp chữa bệnh theo phương pháp Đông y tại Khu Quần thể Văn hóa - Cứu sinh núi Bà Rá. Sản phẩm du lịch về nguồn tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Quân ủy Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết, Nhà Giao tế. Sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng tại Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo. Sản phẩm du lịch trải nghiệm qua các hoạt động tham quan và trải nghiệm "một ngày làm công nhân cao su hay chăm sóc thu hoạch điều". Xây dựng và phát triển tua, tuyến du lịch đặc trưng nội tỉnh, trong đó tập trung: Phát triển theo hướng Tỉnh lộ 741, Quốc lộ 14, Đặc biệt quan tâm phát triển tuyến du lịch quốc tế theo hướng Quốc lộ 13 (Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Phước - Campuchia - Lào - Thái Lan), chọn Khu Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) làm trung tâm, là "điểm dừng chân trong chuyến hành trình xuyên Á".

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch: Xây dựng thương hiệu điểm đến của Bình Phước để quảng bá gắn với tuyên truyền, giới thiệu về Bình Phước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó chú trọng quảng bá, xúc tiến trên các trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội. Đẩy mạnh quảng bá trên các phương tiện thông tin truyền thông trong và ngoài nước. Thường xuyên tổ chức các đoàn doanh nghiệp lữ hành, đoàn báo chí trong và ngoài nước đến khảo sát sản phẩm du lịch, quảng bá điểm đến nhằm thu hút khách.

- Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch: Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Bình Phước với các tỉnh trong khu vực miền Đông Nam bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long trong phát triển sản phẩm du lịch; kết nối tua, tuyến du lịch; hợp tác xúc tiến, quảng bá du lịch nhằm khai thác có hiệu

quả các tuyến du lịch nội địa, liên kết vùng và quốc tế. Tổ chức ký kết hợp tác song phương, đa phương giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch: Xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030, trong đó tập trung bố trí kinh phí thỏa đáng từ ngân sách tỉnh, cùng với sự tham gia của các doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, đồng thời thu hút nguồn nhân lực bên ngoài, nhất là sinh viên tốt nghiệp các trường du lịch có chuyên môn, tay nghề giỏi về nghiệp vụ chuyên ngành lễ tân, buồng, bàn, bar, bếp,...; chú trọng hình thành đội ngũ lực lượng thuyết minh viên, hướng dẫn viên du lịch người địa phương; đào tạo các kỹ năng cần thiết cho người dân tham gia hoạt động du lịch cộng đồng.

- Hoàn thiện môi trường du lịch và cải cách, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch, dịch vụ: Tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch...; xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện; xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử về du lịch trên địa bàn tỉnh...kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh, huyện; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh và hình thành Hiệp hội Du lịch tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng kết triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

CHỦ TỊCH